

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội 06 tháng đầu năm 2026; phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2026 của xã Kon Braih, tỉnh Quảng Ngãi.

Kính gửi: HĐND xã Khóa II, Kỳ họp thứ 2.

Thực hiện Thông báo số 24/TB-HĐND ngày 07/5/2026 của Thường trực HĐND xã về kết luận của đồng chí Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã tại cuộc họp liên tịch thống nhất thời gian, địa điểm, nội dung Kỳ họp thứ 2 HĐND xã Khóa II; Thông báo số 25/TB-HĐND ngày 07/5/2026 của Thường trực HĐND xã về nội dung, thời gian tổ chức Kỳ họp thứ 2 HĐND xã Khóa II, nhiệm kỳ 2026 - 2031;

UBND xã Kon Braih báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội 06 tháng đầu năm 2026; phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2026 của xã Kon Braih, tỉnh Quảng Ngãi cụ thể như sau:

I. Khái quát chung.

Xã Kon Braih là một xã miền núi nằm ở phía Tây Nam tỉnh Quảng Ngãi, xã được thành lập theo Nghị quyết số 1677/UBTVQH15 ngày 16/06/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội *(trên cơ sở sắp xếp ba xã Tân Lập, Đắk Ruông, Đắk Tờ Re của huyện Kon Rẫy tỉnh Kon Tum - cũ)*. Phía Bắc giáp xã Đắk Kôi, xã Ngọc Réo; Phía Nam giáp xã Đắk Somei, xã Ia Khuol, tỉnh Gia Lai; Phía Đông giáp xã Đắk Rve. Phía Tây giáp xã Đắk Rơ Wa, xã Đắk Cấm. Trung tâm hành chính của xã đặt tại thôn 1 xã Kon Braih, tổng diện tích tự nhiên của xã là 25.103,83 ha. Dân số trung bình năm 2025: 18.389 nhân khẩu/4.064 hộ; trong đó: dân tộc thiểu số là 11.605 nhân khẩu/2.308 hộ; chiếm khoảng 64%. Xã Kon Braih là xã dân tộc thiểu số và miền núi thuộc khu vực III với 13/21 thôn đặc biệt khó khăn Theo Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29/01/2026 của Bộ Dân tộc tôn giáo và Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

II. Công tác lãnh chỉ đạo

Trong 06 tháng đầu năm năm 2026, UBND xã Kon Braih đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội theo kế hoạch đã đề ra. Các chủ trương, Nghị quyết của cấp trên được triển khai kịp thời đến các ban, ngành, đoàn thể và toàn thể nhân dân trên địa bàn.

UBND xã đã xây dựng ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai cụ thể thực hiện nhiệm vụ trọng tâm ngay từ đầu năm 2026⁽¹⁾; Chỉ đạo các ban, ngành, đơn vị

¹Chương trình hành động của UBND xã triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, BCH Đảng bộ xã, HĐND xã về kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Kế hoạch của UBND xã phát triển ngành nông nghiệp năm 2026; Kế hoạch của UBND xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2026; Kế hoạch của UBND xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2026; Kế hoạch của UBND xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn năm 2026; Kế hoạch của UBND xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn năm 2026; Kế hoạch thực hiện lĩnh vực đột phá năm 2026 về xây dựng các thôn “an toàn, sạch, đẹp”; Xây dựng kế hoạch công tác quốc

tập trung triển khai thực hiện tốt công tác chăm sóc cây trồng vụ Đông Xuân; Các hoạt động văn hoá – xã hội dịp Tết nguyên đán Bính Ngọ 2026 diễn ra với nhiều sự kiện đặc sắc mang đậm bản sắc truyền thống; công tác thăm hỏi, tặng quà Tết cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người yếu thế nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 và kỷ niệm 51 Ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước được quan tâm triển khai thực hiện kịp thời đảm bảo; Công tác tổ chức, phục vụ bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 diễn ra thành công, an toàn.

Công tác công tác kiểm tra, đôn đốc các phòng ban chuyên môn trong quá trình triển khai nhiệm vụ được thực hiện thường xuyên. Đồng thời, chú trọng công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

1. Về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính và các đơn vị sự nghiệp

- Ủy ban nhân dân xã có 03 phòng chuyên môn (*Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hoá - Xã hội*); 01 tổ chức hành chính (*Trung tâm phục vụ hành chính công*) và 13 đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã được tổ chức tinh gọn theo đúng tinh thần chỉ đạo các cấp có thẩm quyền và các văn bản hướng dẫn, quy định. Đến nay, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp đã ổn định và đảm bảo triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền theo đúng quy định hiện hành.

- Thống kê số lượng cán bộ, công chức, viên chức:

+ Biên chế tạm giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND xã là 52 biên chế (*49 biên chế công chức; 03 biên chế quân sự*); biên chế có mặt là 38 biên chế (*không bao gồm biên chế quân sự*).

+ Biên chế, số lượng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập tạm giao năm 2026 là 397 người, hiện có mặt là 391 người.

2. Về cơ quan trụ sở làm việc và cơ sở vật chất: Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp UBND xã đã thực hiện xây dựng phương án tạm sắp xếp, xử lý nhà đất được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất (*thay thế Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ*), giao cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn sử dụng để đảm bảo hoạt động thông suốt. Bên cạnh đó việc bố trí trang thiết bị làm việc tại các cơ quan, đơn vị đảm bảo theo yêu cầu, định mức. Đối với trụ sở dời dư sau sắp xếp, UBND xã đã xây dựng Phương án bố trí, khai thác sử dụng sau sắp xếp đồng thời bổ sung nhiệm vụ quản lý nhà đất đối với Trung tâm cung ứng dịch vụ công ích xã.

3. Tình hình thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp.

- Quy trình thủ tục hành chính được cập nhật, niêm yết công khai, minh bạch, thuận lợi, tích cực chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát đơn giản hóa, giảm thời gian giải quyết, xử lý TTHC.

- UBND xã đã thành lập BCD chuyển đổi số, thành lập tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính, tổ công nghệ số cộng đồng; về hệ thống hạ tầng công nghệ đã được trang bị hệ thống công nghệ thông tin, tuy nhiên chưa đồng bộ, thiết bị đã xuống cấp, một số lĩnh vực còn thiếu trang thiết bị.

- Toàn bộ 100% thủ tục hành chính của các cá nhân và tổ chức, doanh nghiệp đến giao dịch đều tiếp nhận xử lý số hóa trực tuyến và được giải quyết trước và đúng hạn. Các cá nhân, tổ chức đến giao dịch đều được CBCC hỗ trợ hướng dẫn tận tình, chu đáo với tinh thần trách nhiệm cao nhất đảm bảo chính xác, đầy đủ, cụ thể theo quy định.

II. Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 06 tháng đầu năm 2026.

Năm 2026 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá, tháo gỡ khó khăn, vượt qua thách thức, phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026 - 2030; tạo nền tảng, tiền đề cho việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030; đồng thời là năm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XVI và HĐND các cấp. Thực hiện các Nghị quyết, Kế hoạch của Trung ương; kết luận và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh; các Nghị quyết của Đảng ủy xã, HĐND xã về việc phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, trên cơ sở điều kiện thực tế tại địa phương, UBND xã đã ban hành các Quyết định, Chỉ thị, Kế hoạch tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của xã nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Kon Braih.

Nhìn chung trong 06 tháng đầu năm 2026, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn xã cơ bản ổn định; các hoạt động sản xuất, kinh doanh được duy trì; công tác thu, chi ngân sách nhà nước được điều hành chặt chẽ; các nhiệm vụ bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân được triển khai đầy đủ, kịp thời. Tăng cường chuyển đổi số, quyết liệt cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong tình hình mới; triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an toàn xã hội.

1. Lĩnh vực kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất 06 tháng đầu năm 2026 ước đạt 655,46 tỷ đồng đạt 49,44% so với KH giao. Tổng thu ngân sách nhà nước lũy kế từ đầu năm đến tháng 06/2026 ước đạt 138,741 tỷ đồng đạt 84,84% dự toán được giao (*163,53 tỷ đồng*). Thu ngân sách địa bàn lũy kế từ đầu năm đến tháng 06/2026 ước đạt 12,966 tỷ đồng đạt 52,65% dự toán được giao (*24,625 tỷ đồng*).

- Tổng chi, ngân sách nhà nước trong 06 tháng đầu năm 2026 ước đạt 118,756 tỷ đồng, đạt 72,62% dự toán được giao. Trong đó chi đầu tư đạt 3,635 tỷ đồng đạt 85,03%, chi thường xuyên đạt 115,121 tỷ đồng đạt 72,29%.

1.1. Về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Chỉ đạo, hướng dẫn, vận động Nhân dân tích cực sản xuất, chăm sóc cây trồng đảm bảo đúng lịch thời vụ, tổng diện tích gieo trồng đến tháng 06 năm 2026 là 8.134,80 ha đạt 96,76 % chỉ tiêu được giao. Trong đó diện tích gieo trồng cây hàng năm là 3.305,8 ha (*trong đó: trồng mới cây mía là 17ha*); diện tích gieo trồng cây lâu năm là 4.724,1 ha; các loại cây lương thực được gieo trồng đúng thời vụ; Các loại cây công nghiệp lâu năm như cà phê, cao su, cây ăn quả, mắcca... được người dân trồng mới chăm sóc, tưới tiêu, đảm bảo trong thời gian giai đoạn mùa khô và đầu mùa mưa.

- Trong 06 tháng đầu năm năm 2026, trên địa bàn xã không có dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi. Chủ động thực hiện theo dõi diễn biến thời tiết, có kế hoạch điều tiết nguồn nước nhằm phục vụ cho việc tưới tiêu của các cánh đồng. Công tác kiểm soát giết mổ được đảm bảo. Tổng đàn gia súc, gia cầm duy trì đạt 79.208 con⁽²⁾, đạt 98,57% kế hoạch. Tổng sản lượng thủy sản đạt 67,27 tấn, đạt 52,05% so với kế hoạch đề ra năm 2026.

- Duy trì các sản phẩm OCOP đạt 3 sao trên địa bàn⁽³⁾. Chủ động phối hợp các thôn 1,2,8,9,10 và thôn 13 tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn xã. Tiến hành tổng vệ sinh khử độc tiêu trùng diện rộng trên địa bàn xã.

1.2. Về công tác lâm nghiệp, trồng rừng

- Phối hợp Hạt Kiểm lâm khu vực XIII rà soát, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất điều chỉnh Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia⁴ trên địa bàn xã Kon Braih.

- Công tác kiểm tra, triển khai phối hợp thực hiện trồng rừng trên địa bàn được đảm bảo, UBND xã đã ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 24/04/2026 về việc phê duyệt Phương án thiết kế, kỹ thuật trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi trọc năm 2026 với tổng diện tích 52,12ha/36 hộ gia đình, cá nhân (*đạt 104,24% so với chỉ tiêu được giao là 50ha*)⁵. Hiện tại các hộ gia đình đang dọn thực bì, làm chuẩn bị hố trồng; UBND xã giao phòng Kinh tế xã chủ trì phối hợp với Trung tâm

⁽²⁾ Đàn gia súc: 24.268 con (trâu 9 con, bò 6.503con, lợn 16.651 con, dê 1.123 con); đàn gia cầm 54.922 con.

⁽³⁾ Trà búp Đàn Hương Kon Braih của Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tây nguyên (Thôn 9, xã Kon Braih); Nem thánh Ninh Tô của Hợp tác xã Thương mại và dịch vụ Tấn Phát (Thôn 2, xã Kon Braih); Xúc xích Tây Nguyên của Hợp tác xã Nông sản và Thực phẩm Tây Nguyên (Thôn 1, xã Kon Braih); Giò chả Tây Nguyên của Hợp tác xã Nông sản và Thực phẩm Tây Nguyên (Thôn 1, xã Kon Braih); Thịt phơi nắng Kon Braih của Hợp tác xã Nông sản và Thực phẩm Tây Nguyên (Thôn 1, xã Kon Braih); Giò xào Ninh Tô của hộ kinh doanh Nguyễn Huy Thuyên.

⁴ (1) Thủy điện Đắk Pôkei: Chưa phù hợp quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia được phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản số 3706/UBND-CN XD ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. (2) Dự án Nhà máy điện gió Chư Hreng (*giai đoạn 1*), công suất 150 MW đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 về Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII*); (3) Nhà máy điện gió Đắk Tờ Re, công suất 81,25 MW. (4) Nhà máy điện gió 1 Kon Rẫy, diện tích QH 8.64 ha. (5) Nhà máy điện gió 2 Kon Rẫy, diện tích QH 8.87 ha.

⁵ tại Thôn 5 (37,27ha); thôn 9 (5,35ha) và thôn 12 (9,5ha)

cung ứng dịch vụ công ích xã kiểm tra chất lượng nguồn cây giống, đồng thời hỗ trợ kỹ thuật, vật tư nhằm bảo đảm tổ chức xuống giống đúng khung thời vụ.

1.3. Về cải tạo vườn tạp

- Công tác cải tạo vườn tạp trên địa bàn được đảm bảo đúng theo chỉ đạo, UBND xã ban hành Thông báo số 110/TB-UBND ngày 10/05/2026 thực hiện phân công các cơ quan, đơn vị phụ trách các hộ dân để hướng dẫn thực hiện cải tạo vườn tạp trên địa bàn với kế hoạch 25,4 ha/270 hộ. Các đơn vị được phân công đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, chủ động phân công cán bộ phụ trách hộ để bám nắm địa bàn, phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý thôn để khảo sát, tư vấn, hướng dẫn hộ gia đình chủ động dọn dẹp vệ sinh, cắt tỉa cây tạp, cải tạo vườn nhà; tính đến thời điểm hiện tại, đã triển khai cải tạo thực tế là 121 hộ, với diện tích khoảng 9,62 ha/25,4ha.

1.4. Quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng.

- Công tác quản lý trật tự đô thị; vệ sinh môi trường; quản lý trật tự lòng đường, vỉa hè, lắp đặt biển hiệu quảng cáo được UBND xã thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý. Qua kiểm tra đã tuyên truyền, nhắc nhở các hộ dân chấp hành nghiêm quy định, không sử dụng lòng đường, vỉa hè làm nơi buôn bán, tập kết vật dụng hoặc rác thải sinh hoạt, đặt biển hiệu quảng cáo không đúng quy định làm mất mỹ quan.

1.5. Tài nguyên và môi trường

- Thực hiện Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện công tác đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh: UBND xã đã thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ Công tác và ban hành các kế hoạch tuyên truyền, kế hoạch triển khai thực hiện nhằm bảo đảm cơ sở dữ liệu đất đai được xây dựng theo nguyên tắc "đúng - đủ - sạch - sống", đồng bộ, thống nhất và dùng chung theo quy định. Hiện đang tổ chức thực hiện nhiệm vụ để lựa chọn nhà thầu (*đảm bảo hồ sơ năng lực*) triển khai các hạng mục của dự án đảm bảo theo quy định của pháp luật về đấu thầu⁶.

- Triển khai công tác lập quy hoạch chung xã Kon Braih theo lộ trình đảm bảo đúng quy định. Kiểm tra, nắm bắt tình hình chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng, đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường. Đề xuất 01 điểm mỏ vào Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2026 tại thôn 11,12 xã Kon Braih (*diện tích đề xuất 05 ha*).

- Chỉ đạo các cơ quan đơn vị tăng cường công tác quản lý đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường trên địa bàn, kịp thời ngăn chặn tình trạng lấn, chiếm, hủy hoại đất, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trái phép không tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố; tăng cường công tác bảo vệ môi trường. Quá trình vận động, xử lý đối với các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm trong khu vực dân cư không được phép chăn nuôi theo Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) đã được chỉ đạo thực

⁶ Ủy ban nhân dân xã đã có văn bản số 1175/UBND-KT ngày 27 tháng 5 năm 2026 về kinh phí thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (*Dự toán kinh phí 38.649.044.000 đồng - Ba mươi tám tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

hiện, đến thời điểm hiện tại đã tuyên truyền, vận động di dời, không chăn nuôi đối với 16 hộ gia đình, cá nhân; còn lại 04/20 hộ gia đình còn chăn nuôi, chưa di dời⁷.

1.6. Các lĩnh vực đột phá, nông thôn mới

a. Về các lĩnh vực đột phá:

- Trên cơ sở các nghị quyết của Đảng uỷ, UBND xã đã xây dựng các kế hoạch để triển khai thực hiện các lĩnh vực đột phá trên địa bàn xã theo đúng tinh thần chỉ đạo đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra⁸. Công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện quyết liệt; các nhóm nhiệm vụ, giải pháp theo từng Nghị quyết, Kế hoạch được tổ chức cơ bản đồng bộ, theo yêu cầu, mang tính nền tảng, là cơ sở để đạt được các kết quả trong thời gian đến.

+ Đối với nội dung phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với ứng dụng công nghệ cao tương ứng với tiềm năng thế mạnh: UBND xã đã chỉ đạo các cơ quan đơn vị phối hợp với các ban quản lý thôn, các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hộ gia đình đang trực tiếp đầu tư trong mảng nông nghiệp nhằm mục đích đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt chăn nuôi ứng dụng tại khu vực canh tác. Bên cạnh đó việc đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu, công nghệ số đối với các sản phẩm đảm bảo theo đúng quy định.

+ Đối với nội dung xây dựng các thôn “an toàn, sạch, đẹp”: Bên cạnh việc cải tạo, tu bổ, vệ sinh đường xá, công trình công cộng, UBND xã đã triển khai đến các thôn trong việc trồng và chăm sóc cây xanh kết hợp với công tác cải tạo vườn tạp. Việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy được UBND xã chú trọng đồng thời triển khai đồng loạt trên tất cả các thôn.

+ Đối với nội dung tập trung cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030: Triển khai phát triển chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bên cạnh đó việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ cho người dân trên địa bàn được UBND xã chú trọng. Siết chặt kỷ luật hành chính, thực hiện nghiêm việc chấp hành giờ giấc làm việc, quy trình xử lý hồ sơ. Kiên quyết không để xảy ra tình trạng né tránh, đùn đẩy trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

b. Kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn

- Hiện tại UBND xã đã ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 về việc phân công nhiệm vụ phụ trách thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030. Đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh chưa ban hành ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, do đó UBND xã chưa đánh giá chi tiết và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

- Qua công tác rà soát đánh giá thực trạng theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã

⁷ Hộ ông Trần Văn Thành tại thôn 1. Hộ ông Trần Văn Đường tại thôn 2. Hộ ông Trần Tấn Lôi tại thôn 9. Hộ ông Nguyễn Văn Minh tại thôn 10.

⁸ Nghị Quyết số 04-NQ/ĐU ngày 02/04/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ xã về phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với ứng dụng công nghệ cao tương ứng với tiềm năng thế mạnh xã Kon Brialh; Nghị Quyết số 05-NQ/ĐU ngày 02/04/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ xã về xây dựng các thôn “an toàn, sạch, đẹp”; Nghị quyết số 06-NQ/ĐU ngày 02/04/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ xã về tập trung cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030. UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 21/04/2026, số 127/KH-UBND ngày 21/04/2026 và số 128/KH-UBND ngày 21/04/2026

nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 được quy định tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ, kết quả rà soát 47 nội dung thuộc 10 nhóm tiêu chí trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

- + Về nhóm tiêu chí: có 02/10 nhóm tiêu chí đã đạt.
- + Về nội dung tiêu chí: Số nội dung tiêu chí đã đạt: 18/47 nội dung.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

Công tác thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, cận nghèo dịp tết nguyên đán được quan tâm triển khai. Theo dõi sát tình hình đời sống nhân dân, không để xảy ra tình trạng thiếu đói giáp hạt trong dịp tết nguyên đán. Đã thực hiện chi trả chế độ đầy đủ cho các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng hưu trí kịp thời theo quy định.

- Trong 06 tháng đầu năm UBND xã đã tiếp nhận bằng tiền mặt và hiện vật từ các nguồn cấp trên hỗ trợ và nguồn xã hội hoá cấp cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, các đối tượng chính sách; người có công, người DTTS tiêu biểu, uy tín... là 1.510.055.974 đồng

- Tổ chức thăm các cơ sở tôn giáo trên địa bàn xã, các cơ quan, đơn vị trực tết nhân dịp tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026, thăm hỏi chúc mừng Trạm y tế xã nhân ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/2... Tổ chức thành công các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn xã như: Tổ chức đêm văn nghệ, tổ chức bắn pháo hoa mừng đảng mừng xuân, tổ chức thành công giải bóng chuyền Nam lần thứ II, năm 2026 với 11 đội bóng đến từ các cơ quan, đơn vị, các thôn trên địa bàn xã tham gia. Tham gia các môn thi đấu tại Đại hội TDTT tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I năm 2026. Tổ chức bóng chuyền các dân tộc kỷ niệm 51 năm Ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước...

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền và tổ chức ngày bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 diễn ra an toàn, thành công tốt đẹp.

- Quyết định giao số lượng cấp phó các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công và Trung tâm cung ứng Dịch vụ công ích thuộc Ủy ban nhân dân xã Kon Braih; Quyết định tạm giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của xã Kon Braih năm 2026; Quyết định điều động và bổ nhiệm đối với chức danh Trưởng phó các phòng ban chuyên môn UBND xã Kon Braih.

- Công tác vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được chỉ đạo thực hiện, tỷ lệ bao phủ BHYT là 100%, tỷ lệ bao phủ BHXH là **20,14%**, đạt **100%** chỉ tiêu; Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được quan tâm. Số hộ có đất ở, đất sản xuất đạt **100%**.

- Công tác truyền thông, giáo dục chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tại các thôn, làng trên địa bàn được triển khai. Công tác khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân được triển khai thực hiện đảm bảo, các loại thuốc, vật tư y tế, sinh hóa phẩm xét nghiệm và trang thiết bị thiết yếu được cung ứng kịp thời và đầy đủ; tăng cường kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Việc bảo tồn, quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa tại địa phương được chú trọng triển khai (*Không gian văn hóa công nghệ, xoang Tây Nguyên; Khu di tích lịch sử cách mạng Chiến thắng Kon Braih...*).

- Công tác giáo dục được quan tâm thực hiện. Chất lượng dạy và học được duy trì ổn định; công tác đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá được thực hiện đồng bộ. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học từng bước được đầu tư, nâng cấp. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình học tập đạt yêu cầu, chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được nâng lên. Toàn xã hiện có 11 cơ sở giáo dục công lập⁹, có 187 lớp, Tổng số biên chế ngành giáo dục của xã 360 người, hiện có mặt: 357 người, gồm: 28 cán bộ quản lý (*Mầm non 10, Tiểu học 11, THCS 07*), 308 giáo viên và 21 nhân viên.

+ Về xếp loại chất lượng học sinh

- **Đối với Mầm non** 1379/1379 em xếp loại đạt hoàn thành (không đánh giá xuất sắc, giỏi...).

- **Tiểu học:** Căn cứ Điều 9 thông tư 27, đánh giá kết quả giáo dục học sinh theo bốn mức như sau: Có 377/ 2169 em xuất sắc đạt 17%; Có 374/2169 em xếp loại khá đạt 17%; Có 1401/2169 em xếp loại hoàn thành đạt 65%; Có 17/2169 em xếp loại chưa hoàn thành đạt 0,78%.

- **Trung học:** Có 17/ 1514 em xuất sắc đạt 0.11%; Có 152/1514 em xếp loại giỏi đạt 10%; Có 610/1514 em xếp loại khá đạt 40%; có 705/1514 em xếp loại hoàn thành đạt 47%; Có 12/1514 em xếp loại chưa hoàn thành đạt 0,79%; Có 7 HS khuyết tật không đánh giá điểm; 06 hs khuyết tật đánh giá bằng sự tiến bộ của HS và có 5 học sinh Khuyết tật học hoà nhập, không tham gia đánh giá.

- **Đánh giá chất lượng giáo viên:** Căn cứ Công văn số : 4794/UBND-NC, ngày 25/5/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thời điểm đánh giá tập thể, cá nhân trong đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục. Đối với giáo viên được đánh giá theo năm hành chính không đánh giá theo năm học.

- Công tác cải cách hành chính được quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện đồng bộ trên các lĩnh vực. Việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt cao. Hoạt động của bộ phận một cửa, một cửa liên thông tiếp tục phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và tổ chức. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có nhiều chuyển biến tích cực.

+ Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được giao trong kế hoạch tại các cuộc họp giao ban định kỳ của UBND xã, đảm bảo 100% các nhiệm vụ được giao hoàn thành đúng tiến độ theo quy định. Hiện nay, UBND xã đã hoàn thành 14/43 nhiệm vụ đề ra theo Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 31/12/2025 về cải cách hành chính nhà nước xã Kon Braih năm 2026.

⁹ gồm: 04 trường mầm non; 04 trường tiểu học; 03 trường trung học cơ sở.

- Công tác chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý. Hệ thống quản lý văn bản điện tử, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số được duy trì, vận hành ổn định. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan ngày càng tăng; việc số hóa hồ sơ, dữ liệu chuyên ngành được triển khai theo lộ trình. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân được chú trọng.

+ Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai và đạt hiệu quả, có 13.412 học viên tham gia trên tổng 18.270 tổng dân số đạt 73,41%. Cử CBCC tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin cho công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh năm 2026.

+ Ban hành Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 16/02/2026 về kế hoạch chuyển đổi số xã Kon Braih năm 2026, Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 30/3/2026 của UBND xã Kon Braih Truyền thông về Chuyển đổi số. Thực hiện kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng thôn trên địa bàn xã Kon Braih tại Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 24/04/202.

+ Hoạt động của Trang Thông tin điện tử xã đã thực hiện tốt việc thông tin, tuyên truyền các hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND xã; công khai thủ tục hành chính, minh bạch thông tin, phục vụ ngày càng hiệu quả cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của xã; các văn bản chỉ đạo điều hành được cập nhật kịp thời lên Trang thông tin điện tử; nội dung tin, bài, hình ảnh được duyệt đưa lên Trang TTĐT đảm bảo tính chính xác, kịp thời. Đăng tải 134 tin, bài và 06 vi deo trên Trang TTĐT (trong đó 106 tin, bài của xã và 28 tin bài chia sẻ từ Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh); đăng tải 782 văn bản và lịch công tác.

+ Triển khai thực hiện chi trả trợ giúp xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã: 365 đối tượng. Cập nhật 100% mã định danh và thông tin khác của đối tượng BTXH vào hệ thống cơ sở dữ liệu BTXH; Đối tượng người có công trên địa bàn xã: 38 đối tượng (trong đó: đã đăng ký tài khoản: 30/38 đối tượng, đạt tỷ lệ 78,95%).

3. Hành chính công; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung: Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu (LGSP); chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; Hệ thống thư điện tử công vụ; Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) gắn với công tác chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Niêm yết thủ tục hành chính có quét mã QR để người dân dễ dàng tra cứu thủ tục hành chính khi đến giao dịch tại trung tâm Phục vụ hành chính công xã .

- Công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ phục vụ hành chính công được triển khai hiệu quả. Trong 5 tháng đầu năm đã tiếp

nhận, xử lý **1.473 hồ sơ**⁽¹⁰⁾. Hiện tại đã trả kết quả **1.466 hồ sơ**⁽¹¹⁾; số hồ sơ đang giải quyết **07 hồ sơ** (đất đai: 06 hồ sơ, xây dựng: 01 hồ sơ). Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ trên dịch vụ công quốc gia của xã đạt 97,64/100 điểm, xếp loại Xuất sắc, xếp thứ tự 05/96 xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

- Các tổ chức, cá nhân đến giao dịch đều được cán bộ công chức, nhân viên hỗ trợ hướng dẫn tận tình, chu đáo với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ thông tin đúng theo quy định.

- Tổ chức ra mắt mô hình “Hỗ trợ người yếu thế thực hiện thủ tục hành chính trên cổng DVCQG” tại thôn 12 nhằm hỗ trợ, giúp đỡ, hướng dẫn người yếu thế và bà con nhân dân trên địa bàn thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính.

- Công tác tiếp dân, xử lý đơn thư được thực hiện nghiêm túc theo quy trình. Trong 06 tháng đầu năm 2026 trên địa bàn xã phát sinh 03 đơn thư¹², nội dung đơn tập trung vào các vấn đề giải quyết đất đai. Hiện UBND xã đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn đang thực hiện giải quyết xong các vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết, bảo đảm đúng pháp luật và quyền lợi chính đáng của công dân. Đồng thời UBND xã tiếp nhận văn bản chuyển đơn của Thanh tra tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh liên quan đến đơn kiến nghị của các hộ dân tại chợ tạm thôn 3 xã Tân Lập cũ. UBND xã đã chỉ đạo phòng chuyên môn tổng hợp hồ sơ, tài liệu để tham mưu UBND xã giải quyết các nội dung đơn của các hộ dân.

- Tiếp tục phối hợp với UBND xã thực hiện tuyên truyền vận động đối với 03 hộ/17 hộ gia đình tại khu vực chợ tạm thôn 3 để thực hiện trả lại đất theo đúng quy định. Đơn đốc yêu cầu Công ty TNHH Trung Việt và Ban quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh khẩn trương giải quyết dứt điểm các ý kiến, kiến nghị của 14 hộ gia đình, cá nhân thôn 12 liên quan đến thủy điện Đắk Blà 1 và việc tích nước ảnh hưởng đến đường đi khu sản xuất của người dân tại khu vực dự án hồ chứa nước Đắk Pokei.

4. Quốc phòng, an ninh:

- Quốc phòng, an ninh được giữ vững, ổn định. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; theo dõi, nắm chắc diễn biến tình hình, xử lý kịp thời và có hiệu quả các tình huống xảy ra trên địa bàn, nhất là dịp tết nguyên đán Bính Ngọ, trước, trong, sau bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031. Tiếp tục đấu tranh ngăn chặn, xử lý các loại tội phạm tiếp tục

⁽¹⁰⁾ Hộ tịch: 724 hồ sơ, liên thông hộ tịch-đăng ký thường trú-bảo trợ xã hội- người có công: 211 hồ sơ, chứng thực 292 hồ sơ, đất đai 54 hồ sơ; bảo trợ xã hội: 65 hồ sơ; Hoạt động xây dựng: 04 hồ sơ; Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh): 93 hồ sơ; Cấp sổ BHXH, thẻ BHYT: 01 hồ sơ; Thu BHXH, BHYT, BH tai nạn lao động, BNN: 01 hồ sơ; Hòa giải ở cơ sở: 18 hồ sơ; Giáo dục: 07 hồ sơ; Người có công (Bộ Nội vụ): 02 hồ sơ; Thành lập Hội (Bộ Nội vụ): 01 hồ sơ.

⁽¹¹⁾ Hộ tịch: 724 hồ sơ, liên thông hộ tịch-đăng ký thường trú-bảo trợ xã hội- người có công: 211 hồ sơ, chứng thực 292 hồ sơ, đất đai 48 hồ sơ; bảo trợ xã hội: 65 hồ sơ; Hoạt động xây dựng: 03 hồ sơ; Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh): 93 hồ sơ; Cấp sổ BHXH, thẻ BHYT: 01 hồ sơ; Thu BHXH, BHYT, BH tai nạn lao động, BNN: 01 hồ sơ; Hòa giải ở cơ sở: 18 hồ sơ; Giáo dục: 07 hồ sơ; Người có công (Bộ Nội vụ): 02 hồ sơ; Thành lập Hội (Bộ Nội vụ): 01 hồ sơ.

¹² Bà Y Biên – thường trú thôn 4, xã Đắk Rve; bà Lê Thị Mỹ Dung – thường trú thôn 4, xã Kon Bراهيم; ông Ngô Thái Quang- thường trú thôn 12, xã Kon Bراهيم.

được chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Công tác chỉ đạo an toàn giao thông trên địa bàn được thực hiện thường xuyên. Tổ chức chương trình “ Vinh quang là người chiến sĩ ” gặp mặt gia đình và 47 công dân lên đường nhập ngũ năm 2026.

- Chủ động triển khai lực lượng nắm chắc tình hình, tăng cường tuần tra kiểm soát, nhất là thời điểm ban đêm. Hoạt động tuần tra được tổ chức thường xuyên vào các giờ cao điểm tập trung vào các tuyến đường, khu dân cư, địa điểm công cộng, công trình trọng điểm, khu vực giáp ranh, nơi thường phát sinh tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật... qua đó kịp thời phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật.

- Chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự xã thực hiện công tác quân sự quốc phòng, thực hiện khám sơ tuyển và hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục tuyển sinh quân sự năm 2026 đúng quy định¹³; thực hiện đăng ký công dân trong độ tuổi 17 và độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ năm 2026 đúng kế hoạch¹⁴; tiếp tục rà soát báo cáo các đối tượng 2, 3, 4 chưa bồi dưỡng về Hội đồng Giáo dục Quốc phòng - An ninh tỉnh theo quy định. Phối hợp với Tiểu đoàn 183 của tỉnh phúc tra sĩ quan, hạ sĩ quan binh sĩ dự bị phục vụ công tác huấn luyện dự bị động viên năm 2026. Tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ năm 2026.

III. Khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

1. Khó khăn

- Khung biên chế còn thấp trong khi khối lượng công việc tăng cao, yêu cầu nhiệm vụ ngày càng lớn trong bối cảnh phân cấp mạnh về cơ sở; chất lượng đội ngũ chưa đồng đều, nhất là về kỹ năng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ. Việc chuyển giao trụ sở nhà đất cho các đơn vị sự nghiệp y tế, giáo dục khai thác sử dụng gặp nhiều khó khăn cần nguồn lực đầu tư để cải tạo, nâng cấp trong khi ngân sách địa phương còn hạn chế.

- Còn 02 nội dung ý kiến, kiến nghị chưa được quan tâm giải quyết dứt điểm, gồm: (1) Ý kiến của 14 hộ gia đình, cá nhân thôn 12 liên quan đến Thủy điện Đăk Bla 1 của Công ty TNHH Trung Việt tích nước, vận hành gây ảnh hưởng đến đất lúa và lúa của các hộ dân từ khoảng năm 2018, đã kiến nghị nhiều lần nhưng chưa giải quyết dứt điểm; (2) Việc tích nước và xây dựng tuyến kênh của Công trình Hồ chứa nước Đăk Pôkei làm ngập 03 đoạn đường đi khu sản xuất và hư hỏng các tuyến đường dân sinh của nhiều hộ dân, địa phương đã kiến nghị nhiều lần đến các Sở, ngành liên quan nhưng đến nay Chủ đầu tư (*Ban quản lý dự án đầu tư các công trình NN&PTNT tỉnh*) chưa thực hiện khắc phục hoàn trả lại các đoạn đường để nhân dân đi lại và vận chuyển nông sản.

2. Nguyên nhân:

Việc thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền cơ sở làm cho khối lượng công việc phát sinh ngày càng nhiều, phạm vi quản lý rộng hơn, trong khi biên chế được giao chưa được bổ sung tương xứng

¹³ hoàn chỉnh 05 bộ hồ sơ báo cáo Ban Tuyển sinh quân sự tỉnh thẩm định đúng thời gian quy định

¹⁴ đã đăng ký 189/189 công dân

với yêu cầu nhiệm vụ.

Nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước còn hạn chế, trong khi nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, hạ tầng công nghệ thông tin và các điều kiện phục vụ chuyển đổi số ngày càng lớn. Một số trụ sở, nhà đất sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy được bàn giao cho các đơn vị sự nghiệp y tế, giáo dục có hiện trạng cơ sở vật chất xuống cấp cần nguồn kinh phí lớn để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

Vụ việc tại chợ tạm thôn 3 đã diễn ra trong một thời gian dài, qua nhiều thời kỳ (từ khoảng những năm 1997) dẫn đến tài sản, vật kiến trúc dần dần được hình thành kiên cố trên diện tích đất do UBND xã quản lý nên việc thực hiện thu hồi đất, yêu cầu buộc tháo dỡ, di dời tài sản, vật kiến trúc tạo lập trái quy định gặp nhiều khó khăn (hiện tại còn 03/17 hộ chưa chấp hành); Công ty TNHH Trung Việt chưa nghiêm túc thực hiện các văn bản ý kiến của Sở Công thương, UBND xã để hỗ trợ cho 14 hộ dân bị ảnh hưởng liên quan Thủy điện Đắk Bla 1; Ban quản lý các dự án đầu tư NN&PTNT chưa thực hiện đúng nội dung cam kết với chính quyền địa phương, người dân và Sở NNMT về thời gian hoàn thành việc khắc phục trả lại 03 đoạn đường bị ngập (trước ngày 20/12/2025).

IV. Phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2026.

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ công tác những tháng cuối năm 2026, UBND xã Kon Braih sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan đơn vị trực thuộc UBND xã, UBND bám sát và triển khai thực hiện kịp thời chỉ đạo của UBND tỉnh; các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn của các Sở ban ngành; chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, HĐND xã tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, kịp thời, quyết liệt các quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Nghị quyết số 02-NQ/ĐU ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Đảng ủy xã tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Đảng bộ xã Khóa I về lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2026; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Kon Braih khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 3 về kế hoạch kinh tế xã hội năm 2026; triển khai có hiệu quả 03 lĩnh vực đột phá theo Nghị quyết của Đảng ủy. Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2026 của UBND xã. Chuẩn bị các nội dung trình Thường trực Đảng ủy, Ban thường vụ đảng ủy; các kỳ họp HĐND xã đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ.

2. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính. Thực hiện nghiêm Kết luận số 226-KL/TW của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; khơi dậy khát vọng phát triển, tạo sự chuyển biến rõ nét toàn hệ thống trong thực hiện công vụ; tiếp tục rà soát sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp; sắp xếp các thôn trên địa bàn xã theo quy

định.

3. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 theo kế hoạch đã đề ra. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, hướng dẫn Nhân dân chăm sóc cây trồng, vật nuôi; chủ động phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Hướng dẫn, triển khai đăng ký ý tưởng/sản phẩm OCOP năm 2026 đảm bảo theo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Tăng cường ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; mở rộng và phát triển bền vững các loại cây trồng chủ lực như: cây ăn quả, cà phê, cao su, mắc ca theo chỉ tiêu Nghị quyết đã đề ra.

4. Tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp về thu hồi nợ đọng thuế; tăng cường công tác tuyên truyền về nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện hiệu quả công tác quản lý thu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế. Điều hành chặt chẽ chi ngân sách, chi ngân sách thực sự tiết kiệm, hiệu quả theo Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh.

5. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, Phòng cháy chữa cháy; kiểm tra, xử lý các hành vi phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép; Rà soát diện tích và thực hiện trồng rừng trong năm 2026 đảm bảo theo chỉ tiêu đề ra; quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản.

6. Hoàn thiện thủ tục đầu tư, khởi công, thi công các công trình, dự án đã được UBND xã giao trong năm 2026. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch. Giải ngân vốn đầu tư công, vốn chương trình mục tiêu quốc gia năm 2026.

7. Chỉ đạo các đơn vị trường học phối hợp BQL Thôn, các ngành đoàn thể thôn thực hiện tốt việc tuyên truyền, quản lý học sinh trong dịp hè. Triển khai kế hoạch tuyển sinh và chuẩn bị các điều kiện cho năm học 2026-2027.

8. Xây dựng và triển khai Đề án sắp xếp tổ chức lại các thôn; kịp thời kiện toàn chức danh trưởng thôn theo quy định và hướng dẫn của các cấp. Ban hành quy định chức năng nhiệm vụ của các Phòng được tổ chức lại đảm bảo hoạt động ngay sau khi được HĐND xã thông qua.

9. Duy trì và triển khai tốt công tác khám và điều trị, đảm bảo trực thường xuyên; triển khai các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, tinh thần thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế, chủ động phòng chống dịch bệnh. Tăng cường công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn xã.

10. Triển khai công tác quản lý nhà nước về văn hoá, khoa học và thông tin; tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; Phát huy vai trò dẫn dắt, chủ động làm việc với các doanh nghiệp để thúc đẩy triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tạo lan tỏa trong phát triển kinh tế số, chuyển đổi số.

11. Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống cho nhân dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách và các đối tượng bảo trợ xã hội. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa; tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, văn hóa – thể thao tại địa phương.

12. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng ủy về 3 lĩnh vực đột phá và Nghị quyết số 03-NQ/ĐU, ngày 01/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã khoá I về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn xã trong tình hình mới.

13. Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn xã.

14. Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật.

15. Thực hiện tốt kế hoạch, phương án về đảm bảo quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, theo dõi nắm chắc tình hình địa bàn.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 06 tháng đầu năm 2026, phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2026 của xã Kon Braih.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- CT, 02 PCT UBND xã
- Các Ban HĐND xã;
- Tổ Đại biểu, Đại biểu HĐND xã;
- Lưu VT, PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Trung

Phụ lục 1
ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
(kèm theo Báo cáo số 322/BC-UBND ngày 25 tháng 05 năm 2026 của UBND xã Kon Braih)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	06 tháng đầu năm 2025	Năm 2026		So sánh		Ghi chú
				Kế hoạch năm 2026	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm	06 tháng 2026/ 06 tháng 2025	06 tháng 2026/ kế hoạch 2026	
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ							
1	Thu nhập bình quân đầu người	Tr.đồng/ng ười/năm		59,00	0,00	0,00	0,00	
2	Tổng giá trị sản xuất	Tỷ đồng	616,00	1.325,90	655,46	106,41	49,44	
-	Nông lâm - Thủy sản	Tỷ đồng	230,00	635,32	299,26	130,11	47,10	
-	Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	200,00	329,50	169,35	84,68	51,40	
-	Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	186,00	361,09	186,85	100,46	51,75	
3	Thu NSNN	Tỷ đồng		163,531	138,741		84,84	
	Trong đó: Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	26,63	24,625	12,966	48,68	52,65	
4	Chi NSNN	Tỷ đồng		163,531	118,756		72,62	
5	Nông nghiệp							
5.1	Tổng diện tích gieo trồng	Ha	6.845,83	8.407,30	8.134,80	118,83	96,76	
+	Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Ha	2.215,0	3.573,1	3.305,8	149,25	92,52	
+	Diện tích gieo trồng cây lâu năm	Ha	4.528,7	4.729,3	4.724,1	104,32	99,89	
+	Diện tích gieo trồng cây dược liệu	Ha	102,20	104,9	104,9	102,64	100,00	
5.2	Diện tích cây khác	Ha	1.157,73	1.138,67	1.038,67	89,72	91,22	
-	Bời Lời	Ha	526,00	377,84	377,84	71,83	100,00	
-	Diện tích rừng trồng	Ha		760,83	660,83		86,86	
+	Diện tích rừng trồng mới		36,46	50	0			
5.3	Chăn nuôi		74.997,0	80.348,0	79.208,0	105,61	98,58	
-	Đàn gia súc	Con	22345	25.362,0	24.286,0	108,69	95,76	
-	Đàn gia cầm	Con	52652	54.986,0	54.922,0	104,31	99,88	
5.4	Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản	tấn	3,96	129,24	71,26	1799,49	55,14	
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA-XÃ HỘI							
1	Dân số							
-	Dân số có mặt đầu năm	Người	18.151	18.389	18.389	101,31	100,00	
-	Tổng số người tăng trong năm (tăng TN)	Người	274	214	50	18,25	23,36	
-	Dân số có mặt cuối năm	Người	18.370	18.603	18.439	100,38	99,12	
-	Dân số trung bình	Người	18.260,5	18.496,0	18.414,0	100,84	99,56	
-	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,51	1,16	0,27			
2	Giảm nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều							
-	Tổng số hộ	Hộ	4.030,00	4.064,00	4.064,00	100,84	100,00	
-	Số hộ nghèo	Hộ	76,00	55,00		0,00		
-	Tỷ lệ hộ nghèo (chuẩn nghèo mới)	%	1,89	1,35	-	0,00		
-	Số hộ nghèo giảm	Hộ		13,00	-		-	
3	Giáo dục và Đào tạo							
*	Học sinh có mặt đầu năm	Học sinh	5.034,00	5.124,00	5.131,00	101,93	100,14	
-	Giáo dục mầm non	Học sinh	1.351,00	1.400,00	1.379,00	102,07	98,50	
+	Nhà trẻ	Học sinh	163,0	208,0	204,0	125,15	98,08	
+	Mẫu giáo	Học sinh	1.188,0	1.192,0	1.175,0	98,91	98,57	
-	Giáo dục phổ thông	Học sinh	3.621,00	3.659,00	3.687,00	101,82	100,77	
+	TH	Học sinh	2.197,00	2.189,00	2.169,00	98,73	99,09	
+	THCS	Học sinh	1.424,00	1.470,00	1.514,00	106,32	102,99	
+	THPT	Học sinh						
-	Bổ túc văn hóa	Học sinh	62,00	65,00	65,00	104,84	100,00	
*	Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi	%						
-	Trong độ tuổi đi học mẫu giáo (từ 3-5 tuổi)	%	98,00	100,00	100,00	102,04	100,00	
-	Học sinh mẫu giáo 5 tuổi	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	06 tháng đầu năm 2025	Năm 2026		So sánh		Ghi chú
				Kế hoạch năm 2026	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm	06 tháng 2026/ 06 tháng 2025	06 tháng 2026/ kế hoạch 2026	
-	Học sinh tiểu học	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
-	Học sinh THCS	%	98,00	99,00	99,00	101,02	100,00	
-	Huy động trẻ 6-10 tuổi vào tiểu học	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
-	Huy động trẻ 11-14 vào THCS	%	98,00	98,70	98,50	100,51	99,80	
-	Tỷ lệ phổ cập GDTH đúng độ tuổi	%	95,00	97,30	97,00	102,11	99,69	
-	Tỷ lệ phổ cập THCS	%	92,00	95,00	95,00	103,26	100,00	
-	Tỷ lệ xã được công nhận giáo dục Mầm non 5 tuổi	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
-	Số trường đạt chuẩn quốc gia	trường	8,00	7,00	7,00	87,50	100,00	
4	Y tế - Văn hóa							
-	Tổng số giường bệnh	Giường	115,00	115,00	115,00	100,00	100,00	
+	Bệnh viện	Giường	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
+	Phòng khám khu vực	Giường						
+	Trạm Y tế	Giường	15,00	15,00	15,00	100,00	100,00	
-	Tỷ lệ xã có trạm Y tế	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
-	Số giường bệnh/vạn dân	Giường/vạn dân	56,54	62,18	62,18	109,98	100,01	
-	Số bác sỹ/vạn dân	Bsỹ/vạn dân	7,92	8,65	8,65	109,22	100,04	
-	Tỷ lệ trẻ em suy sinh dưỡng theo chiều cao xuống còn	%	17,50	14,96	15,20	86,86	101,60	
-	Tỷ lệ trẻ em suy sinh dưỡng theo cân nặng xuống còn	%	16,10	14,72	15,00	93,17	101,90	
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	49,00	97,5	97,5	198,98	100,00	
-	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	86,62	98,09	100,00	115,45	101,95	
-	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội	%	16,42	20,14	20,14	122,66	100,00	
-	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm thất nghiệp trong độ tuổi lao động	%	8,16	9,71	9,71	119,00	100,00	
-	Tỷ lệ bao phủ BHXH tự nguyện	%	5,02	8,25	6,80	135,46	82,42	
-	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	98,50	99,00	99,00	100,51	100,00	
-	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	83,20	98,10		0,00	-	
-	Tỷ lệ thôn, làng đạt danh hiệu thôn làng văn hóa	%	100,00	100,00		0,00	-	
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%		73,03	-	0,00	-	
5	Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất ở	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
6	Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất sản xuất	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
III	QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ							
1	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	%	80,00	90,00	90,00	112,50	100,00	
2	Tỷ lệ đơn vị có phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt từ loại khá trở lên	%		100,00	100,00		100,00	
3	Công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ đào tạo chức danh, vị trí việc làm	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
4	Tỷ lệ giao quân hàng năm	%		100,00	100,00		100,00	
5	Chất lượng huấn luyện hàng năm	%		xuất sắc				

Phụ lục 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(kèm theo Báo cáo số 322/BC-UBND ngày 25 tháng 05 năm 2026 của UBND xã Kon Braih)

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm	Tỉ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	<u>TRỒNG TRỌT</u>				
*	TỔNG DT GT (I+II+V)	ha	8.407,30	8.134,80	96,76
I	DT GT CÂY HN	ha	3.573,10	3.305,80	92,52
1	Lúa cả năm				
-	Diện tích	ha	760,00	760,00	100,00
-	Năng suất	tạ/ha	61,00	61,00	100,00
-	Sản lượng	tấn	4.621,00	4.621,00	100,00
1.1	Lúa Đông xuân				
-	Diện tích	ha	290,00	290,00	100,00
-	Năng suất	tạ/ha	68,92	68,92	100,00
-	Sản lượng	tấn	1.998,68	1.998,68	100,00
1.2	Lúa vụ mùa				
-	Diện tích	ha	470,00	470,00	100,00
-	Năng suất	tạ/ha	61,20		0,00
-	Sản lượng	tấn	2.876,40	0,00	0,00
1.2.1	<i>Trong đó: Ruộng</i>				
-	Diện tích	ha	367,00	367,00	100,00
-	Năng suất	tạ/ha	64,7		0,00
-	Sản lượng	tấn	2.374,49	0,00	0,00
1.2.2	<i>Lúa ô nà (rẫy)</i>				
-	Diện tích	ha	103,00	96,00	93,20
-	Năng suất	tạ/ha	22,95		0,00
-	Sản lượng	tấn	236,39	0,00	0,00
2	Ngô cả năm				
-	Diện tích	ha	350,00	337,00	96,29
-	Năng suất	tạ/ha	63,00	63,00	100,00
-	Sản lượng	tấn	2.277,72	2.277,72	100,00
2.1	Ngô vụ Đông Xuân	ha	4,00	4,00	100,00
-	Năng suất	tạ/ha	57,62	57,62	100,00
-	Sản lượng	tấn	23,05	23,05	100,00

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm	Tỉ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2.2	Ngô vụ 1				
-	Diện tích	ha	258,00	258,00	100,00
-	Năng suất	tạ/ha	63,46	63,46	100,00
-	Sản lượng	tấn	1.637,24	1.637,24	100,00
2.3	Ngô vụ 2				
-	Diện tích	ha	88,00	75,00	85,23
-	Năng suất	tạ/ha	62,95		0,00
-	Sản lượng	tấn	553,97	0,00	0,00
3	Cây chất bột lấy củ:	ha	2.074,10	1.859,20	89,64
3.1	Khoai lang				
-	Diện tích	ha	3,10	2,20	70,97
-	Năng suất	tạ/ha	43,6	43,6	100,00
-	Sản lượng	tấn	13,52	9,59	70,97
3.2	Sắn				
-	Diện tích	ha	2.071,00	1.857,00	89,67
-	Năng suất	tạ/ha	101,00	101,00	100,00
-	Sản lượng	tấn	20.989,00	20.989,00	100,00
4	Cây thực phẩm:	ha	127,00	92,50	72,83
4.1	Rau các loại		69,00	50,50	73,19
4.2	Đậu các loại		58,00	42,00	72,41
5	Cây CN ngắn ngày	ha	262,00	257,10	98,13
5.1	Cây mía				
-	Diện tích	ha	249,00	230,00	92,37
-	Năng suất	tạ/ha	769,15	769,15	100,00
-	Sản lượng	tấn	17.620,40	17.620,40	100,00
	Tr.đó: trồng mới:		17,00	17,00	100,00
5.2	Lạc				
-	Diện tích	ha	13,00	10,10	77,69
-	Năng suất	tạ/ha	14,00	14,00	100,00
-	Sản lượng	tấn	18,00	18,00	100,00
II	ĐT CÂY LÂU NĂM	ha	4.729,30	4.724,10	99,89
1	Cây cà phê				
-	Diện tích	ha	438,00	438,00	100,00

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm	Tỉ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
-	Tr.đó: DT cho thu hoạch	ha	262,10	262,10	100,00
-	Năng suất	tạ/ha	10,40	10,40	100,00
-	Sản lượng	tấn	272,58	272,58	100,00
2	Cây tiêu				
-	Diện tích	ha	35,30	31,40	88,95
-	Năng suất	tạ/ha	15,84	15,84	100,00
-	Sản lượng	tấn	55,92	49,74	88,95
	Tr.đó: trồng mới:	ha	0,1	0,1	100,00
3	Cây cao su				
-	Diện tích	ha	3.452,00	3.452,00	100,00
-	Tr.đó: C.ty, Doanh nghiệp	ha	1.797,93	1.797,93	100,00
-	DT cho thu hoạch	ha	3.352,90	3.352,90	100,00
-	Năng suất	tạ/ha	15,20	15,20	100,00
-	Sản lượng	tấn	50.964,08	50.964,08	100,00
4	Cây ăn quả		506,00	504,70	99,74
-	Diện tích trồng cũ	ha	496,00	496,00	100,00
-	DT trồng mới	ha	10,00	8,70	87,00
+	Sầu riêng		5,00	4,50	90,00
+	Chanh dây		1,00	1,00	100,00
+	Cây ăn quả khác		4,00	3,81	95,25
5	Cây Mắc ca	ha	298,00	298,00	100,00
-	Diện tích trồng cũ	ha	290,00	290,00	100,00
-	DT trồng mới		8,00	5,20	65,00
III	CÂY KHÁC	ha	1.138,67	1.038,67	91,22
1	Cây bời lời	ha	377,84	377,84	100,00
2	Trồng rừng	ha	760,83	660,83	86,86
2.1	DT trồng cũ	ha	710,83	660,83	92,97
2.2	DT trồng mới	ha	50,00	0,00	0,00
	Trong đó: + Trồng rừng phòng hộ	ha			
	+ Trồng rừng sản xuất	ha	50,00	0,00	0,00
	- Diện tích rừng trong Quy hoạch 3 loại rừng	ha	8.164,00	8.164,00	100,00
	Trong đó: + Rừng phòng hộ	ha	390,17	390,17	100,00
	+ Rừng sản xuất	ha	7.774,00	7.774,00	100,00

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm	Tỉ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	32,94	32,76	99,45
IV	Trồng cây phân tán	Cây	19.000	19.000	100,00
V	Cây dược liệu	ha	104,90	104,90	100,00
-	Dược liệu khoanh nuôi (tiếp tục bảo vệ)	ha	104,90	104,90	100,00
VI	Cải tạo vườn tạp	ha	156,00	156,00	100,00
	Cải tạo mới	ha	25,00	0,00	0,00
B	<u>CHĂN NUÔI</u>	con	80.348	79.208	98,58
I	Đàn gia súc	con	25.362	24.286	95,76
1	Đàn trâu	con	11	9	81,82
2	Đàn bò	con	6.803	6.503	95,59
	<i>Tỷ trọng bò lai</i>	%	<i>57,00</i>	<i>57,00</i>	100,00
3	Đàn lợn	con	17.423	16.651	95,57
	<i>Sản lượng thịt hơi xuất chuồng</i>	<i>Tấn</i>	<i>2.986,00</i>	<i>2.986,00</i>	100,00
4	Đàn dê	con	1.125	1.123	99,82
II	Đàn gia cầm	con	54.986	54.922	99,88
C	THỦY SẢN				
*	Tổng sản lượng thủy sản	tấn	129,24	71,26	55,14
1	Diện tích nuôi trồng TS	ha	31,50	31,50	100,00
-	Sản lượng nuôi trồng TS	tấn	122,14	66,70	54,61
2	S.lượng khai thác TN	tấn	7,10	4,56	64,23
D	THUỖ LỢI				
	- Tổng diện tích được tưới	Ha	484,85	484,85	100,00
	Trong đó: Tưới bằng công trình kiên cố	Ha	484,85	484,85	100,00
	<i>Công tình xã quản lý</i>	Ha	24,00	24,00	100,00
	<i>công trình tỉnh quản lý</i>	Ha	460,85	460,85	100,00